TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HS-ST
Ngày 13 tháng 6 năm 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Diệp Thị Thu Nguyệt; Ông Nguyễn Văn Hòa.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Dương Ngọc Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Võ Văn T, sinh ngày 13/4/1991. Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn N, sinh năm 1973 và bà Đặng Thị H, sinh năm 1974; anh, chị, em ruột có 03 (ba) người, bị cáo là người thứ nhất; bị cáo có vợ tên Võ Thị L, sinh năm 1991; có 01 (một) con tên Võ Hoàng L1, sinh năm 2012.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/12/2023, đến ngày 07/01/2024 tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Bạch Công L2, sinh ngày 24/6/2002. Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P, sinh năm 1979 và bà Bạch Thị Thùy L3, sinh năm 1980; Anh, chị, em ruột có 02 (hai) người, bị cáo là người thứ hai; bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/12/2023, đến ngày 07/01/2024 tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn N, sinh năm 1973. Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Anh Cao Hoàng S, sinh năm 1991. Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người làm chứng:

1. Anh Trần Võ Chí L4, sinh năm 2005. Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Ông Trần Văn P, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 29/12/2023, Công an xã V, huyện T nhận được tin báo của người dân qua điện thoại tại khu vực ấp V, xã V, huyện T có đối tượng tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngay sau đó, Công an xã V phối hợp với Công an huyện T đến khu vực trên phát hiện Võ Văn T đang đứng gần xe mô tô biển số 67B1-131.32. Khi này, T thấy lực lượng Công an đến nên bỏ ma túy vào trong túi quần phía sau bên trái, bị lực lượng Công an phát hiện kiểm tra thu giữ 01 bọc nilon trong suốt, hàn kín, kích thước (0,8 x 2,5) cm bên trong có chất tinh thể màu trắng (nghi là ma túy) và 01 bọc nilon trong suốt, hàn kín, kích thước (0,8 x 02) cm bên trong có chất tinh thể màu trắng (nghi là ma túy) nên dẫn giải T về trụ sở Công an xã V làm việc.

Võ Văn T khai: tinh thể màu trắng bị thu giữ trong 02 bọc nilon trong suốt là ma túy đá. Khoảng 14 giờ ngày 29/12/2023, Trần Bạch Công L2 sử dụng điện thoại di động hiệu Oppo A3S nhắn tin qua mạng xã hội Zalo vào điện thoại di động hiệu Oppo A55 của T nhờ mua 300.000 đồng ma túy đá về sử dụng, T đồng ý. Sau đó, L2 chuyển khoản cho T qua ứng dụng Momo số tiền 400.000 đồng, L2 cho T 100.000 đồng. Sau khi nhận được tiền L2 chuyển, T mượn điện thoại di động hiệu Oppo A57 của Cao Hoàng S (bạn cùng xóm) và xe mô tô biển số 67B1-131.32 của Võ Văn N (cha của T) điều khiển đến khu vực cổng chào P1 ở khóm P, thị trấn P, huyện T, T sử dụng điện thoại di động hiệu Oppo A55 liên hệ với người không biết họ tên địa chỉ, có tài khoản zalo Ý T mua 01 bọc ma túy 200.000 đồng và 01 bọc ma túy 300.000 đồng nhưng thiếu lại 100.000 đồng, Ý T đồng ý. T tiếp tục sử dụng điện thoại di động hiệu Oppo A57 mượn của S chuyển tiền mua ma túy qua ứng dụng Momo cho tài khoản Nguyễn Thị M số tiền 400.000 đồng, sau đó, có một thanh niên không rõ nhân thân đến giao ma túy cho T nhận, rồi điều khiển xe về nhà L2 ở ấp V, xã V, huyện T để giao ma túy cho L2 thì bị lực

lượng Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Cùng ngày, biết hành vi bị phát hiện L2 đến Công an xã V đầu thú.

Vật chứng thu giữ:

01 (một) bọc nilon trong suốt, hàn kín, bên trong có chất tinh thể màu trắng (nghi là ma túy), kích thước (0,8 x 2,5) cm.

01 (một) bọc nilon trong suốt, hàn kín, bên trong có chất tinh thể màu trắng (nghi là ma túy), kích thước (0,8 x 02) cm.

01 (một) xe mô tô biển số 67B1-131.32, loại Wave RS màu đỏ - đen.

01 (một) điện thoại di động, hiệu Oppo A57 màu xanh; IMEI 1: 86994567221115, IMEI 2: 869945067221107, gắn sim số: 0866964224.

01 (một) điện thoại di động, hiệu Oppo A55, màu xanh IMEI 1: 866787050444756, IMEI 2: 866787050444749.

01 (một) điện thoại di động, hiệu Oppo A3S, màu đen, IMEI 1:866269041208939, IMEI 2: 866269041028921.

Theo Phiếu xét nghiệm ma túy ngày 29/12/2023 của Công an xã V, huyện T, ghi nhận: Võ Văn T, Trần Bạch Công L2 đều dương tính với ma túy, loại Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 254/KL-KTHS(MT-GT) ngày 05/01/2024 của Phòng K - Công an tỉnh A, kết luận:

Mẫu M1 gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: 0,1695g (không phẩy một sáu chín năm gam);

Mẫu M2 gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: 0,1175g (không phẩy một một bảy năm gam);

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKSTS-HS, ngày 15/4/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn đã truy tố các bị cáo Võ Văn T, Trần Bạch Công L2 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Võ Văn N yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số 67B1-131.32, loại Wave RS màu đỏ, đen.

Anh Cao Hoàng S yêu cầu được nhận lại điện thoại di động, hiệu Oppo A57 màu xanh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu luận tội đối với các bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T mức án từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Bạch Công L2 mức án từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý theo quy định pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Do hoàn cảnh các bị cáo khó khăn, không có việc làm và thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người làm chứng Trần Võ Chí L4 vắng mặt không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy sau khi vụ án xảy ra, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Theo điểm a Mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003:

"...2. Trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện tội phạm về ma túy trong một số trường hợp cụ thể:

a. Người nào biết người khác đi mua chất ma túy để sử dụng trái phép mà gửi tiền nhờ mua hộ chất ma túy để sử dụng và sau khi mua được chất ma túy người đi mua bị bắt giữ, thì việc xác định trọng lượng chất ma túy để xem xét trách nhiệm đối với từng người như sau:

- Người nhờ mua hộ chỉ phải chịu trách nhiệm về trọng lượng chất ma túy mà họ nhờ mua hộ.

- Người đi mua phải chịu trách nhiệm về tổng trọng lượng chất ma túy đã mua được (cho bản thân và mua hộ)...”

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, các biên bản hoạt động tố tụng. Ngoài ra còn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 29/12/2023, Võ Văn T đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép khối lượng 0,287 gam (gồm 0,1695 gam mua hộ cho L2 và 0,1175 gam T mua cho bản thân) ma túy loại Methamphetamine để sử dụng. Trần Bạch Công L2 đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép khối lượng 0,1695 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng.

Căn cứ quy định pháp luật, hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo Võ Văn T, Trần Bạch Công L2 đều đã thành niên nhận thức được rằng tàng trữ trái phép chất ma túy là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện, điều này thể hiện các bị cáo xem thường pháp luật; hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy; đồng thời là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất trật tự, an toàn xã hội, do đó việc đưa vụ án ra xét xử là cần thiết nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Qua diễn biến của vụ án cho thấy bị cáo Võ Văn T trực tiếp mua ma túy giúp cho L2 và cho bản thân để sử dụng, bị cáo chủ động liên lạc, giao dịch trực tiếp với người bán ma túy. Đối với bị cáo L2 tuy không trực tiếp mua ma túy nhưng đã nhờ T mua giúp ma túy để sử dụng. Trong vụ án này mặc dù có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp giản đơn.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ:

Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ như xuất thân thành phần lao động, hiểu biết pháp luật hạn chế; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo L2 đã đầu thú.

[7] Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra đã thu giữ được các vật chứng, cần phân hóa ra để xử lý như sau:

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng là ma túy và tài sản liên quan đến vụ án không còn giá trị sử dụng.

- Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị cáo Võ Văn T khai nhận:

Sử dụng điện thoại di động hiệu Oppo A57 màu xanh của Cao Hoàng S để đăng nhập M1 nhận, chuyển tiền mua ma túy vào ngày 29/12/2023. Cao Hoàng S không biết việc T mượn điện thoại để liên lạc mua ma túy và yêu cầu được nhận lại điện thoại nên cần trả lại điện thoại hiệu Oppo A57 màu xanh; IMEI 1: 86994567221115, IMEI 2: 869945067221107 cho Cao Hoàng S.

Đối với điện thoại hiệu Oppo A55, màu xanh IMEI 1: 866787050444756, IMEI 2: 866787050444749 là của bị cáo Võ Văn T dùng để liên lạc mua ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Sử dụng xe mô tô biển số 67B1-131.32, số máy: HC09E6393058, số khung: 09086Y392989 của ông Võ Văn N (cha ruột của T) để đi mua ma túy. Ông Võ Văn N thừa nhận xe mô tô nêu trên là của ông mua lại của người khác nhưng chưa sang tên, việc bị cáo T mượn xe của ông để mua ma túy thì ông không biết và yêu cầu được nhận lại xe.

Tại Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 26/02/2024 của Công an huyện T, xác định: Xe mô tô biển số 67B1-131.32, số máy: HC09E6393058, số khung: 09086Y392989; chủ xe Nguyễn Bảo C, địa chỉ: P, P, T, An Giang. Công an huyện T đã tiến hành xác minh nhưng không ghi nhận được ý kiến của ông Nguyễn Bảo C.

Do ông Võ Văn N là người đang sở hữu đối với xe mô tô biển số 67B1-131.32, số máy: HC09E6393058, số khung: 09086Y392989 chưa xảy ra tranh chấp nên cần giao trả xe mô tô nêu trên cho ông Võ Văn N. Trường hợp xảy ra tranh chấp quyền sở hữu đối với xe mô tô nêu trên thì Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

- Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần Bạch Công L2 khai nhận:

Điện thoại di động, hiệu Oppo A3S, màu đen, IMEI 1:866269041208939, IMEI 2: 866269041028921 là của bị cáo dùng liên lạc với bị cáo Võ Văn T để mua ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[8] Đối với người bán ma túy cho T chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Võ Văn T, Trần Bạch Công L2 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 29 tháng 12 năm 2023.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Bạch Công L2 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 29 tháng 12 năm 2023.

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy:

01 phong bì được niêm phong (Vụ số: 254/KL-KTHS (MT-GT) ngày 05/01/2024) có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Thị Mỹ H1, Đỗ Hồng M2, bên trong có mẫu vật còn lại sau khi đã giám định, khối lượng: Mẫu M1 + M2: 0,2412g (không phẩy hai bốn một hai gam);

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với 01 (một) điện thoại hiệu Oppo A55, màu xanh IMEI 1: 866787050444756, IMEI 2: 866787050444749

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, màu đen, IMEI 1:866269041208939, IMEI 2: 866269041028921.

- Trả lại cho ông Võ Văn N 01 (một) xe mô tô biển số 67B1-131.32; nhãn hiệu: HONDA; số loại: WAVE RS; số máy: HC09E6393058; số khung: 09086Y392989.

- Trả lại cho anh Cao Hoàng S 01 (một) điện thoại hiệu Oppo A57 màu xanh; IMEI 1: 86994567221115, IMEI 2: 869945067221107, gắn sim số: 0866964224.

(Các vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-VKSTS ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/4/2024)

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Võ Văn T, Trần Bạch Công L2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan điều tra CA huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan THA hình sự huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Bị cáo, đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Trí Nguyên